

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 315/2024/DS-ST

Ngày 26-9-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Công Trọn

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B, L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Đông D – Trưởng phòng Khách hàng chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N theo giấy ủy quyền số 384 ngày 04/9/2024 (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2022, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Châu Đông D trình bày:* Ngày 12/4/2019, Ngân hàng N (A) chi nhánh huyện T có ký hợp đồng tín dụng số LAV – 201901809/HĐTD với bà Nguyễn Thị L. Phương thức vay: Theo hạn mức tín dụng; Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh tạp hóa; Thời hạn vay 12 tháng; Số tiền vay: 490.000.000 đồng (kèm theo phụ lục kỳ hạn trả nợ và từng giấy nhận nợ). Để đảm bảo khoản vay trên bà Nguyễn Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số K9635/HĐTC ngày 10/4/2019, giá trị tài sản 492.000.000 đồng, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 913635, diện tích 131,2m² (đất ở tại đô thị), đất tọa lạc tại khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quá trình vay, bà L đã thanh toán được số tiền lãi 7.517.809 đồng và sau đó không thanh toán tiếp cho ngân hàng. Tính đến ngày 26/9/2024, tổng dư nợ của bà L là 752.559.451 đồng (tròn số 752.559.000 đồng), (trong đó gốc: 490.000.000 đồng; lãi: 262.559.451 đồng). A chi nhánh huyện T đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở đôn đốc nhưng đến nay bà L không trả vốn và lãi.

Nay ngân hàng A yêu cầu bà Nguyễn Thị L cùng chồng là ông Nguyễn Đình K trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 752.559.000 đồng, (trong đó gốc: 490.000.000 đồng; lãi: 262.559.000 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà bà L đã ký; Trường hợp không trả được nợ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp; yêu cầu các tài sản hợp pháp khác của bà L và ông K để trả khoản nợ trên cho ngân hàng.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình K:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử, các văn bản tố tụng nhưng bà L, ông K vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 298, 299, 318, 322, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình K có nghĩa vụ thanh

toán cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2024 là 752.559.000 đồng, (trong đó gốc: 490.000.000 đồng; lãi: 262.559.000 đồng) và trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K9635/HĐTC ngày 10/4/2019, giá trị tài sản 492.000.000 đồng, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 913635, diện tích 131,2m² (đất ở tại đô thị), đất tọa lạc tại khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau để đảm bảo thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình K vắng mặt không lý do, đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn là Ngân hàng A yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình K trả tiền gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa ngân hàng với bà L do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng. Bị đơn là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh, mục đích vay để mua bán tạp hóa. Như vậy, tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 12/4/2019, Ngân hàng N (A) chi nhánh huyện T có ký hợp đồng tín dụng số LAV – 201901809/HĐTD với bà Nguyễn Thị L. Phương thức vay: Theo hạn mức tín dụng; Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh tạp hóa; Thời hạn vay 12 tháng; Số tiền vay: 490.000.000 đồng.

Đến thời hạn trả nợ gốc, trả lãi nhưng bà L không trả khoản nợ gốc và nợ lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm Hợp đồng tín dụng số LAV – 201901809/HĐTD ngày 12/4/2019. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2024 là 752.559.000 đồng, trong đó gốc: 490.000.000 đồng; lãi: 262.559.000 đồng và yêu cầu lãi phát sinh theo lãi suất đã ký theo hợp đồng tín dụng như ngân hàng trình bày là có cơ sở. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên theo hợp đồng tín dụng theo

khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số K9635/HĐTC ngày 10/4/2019, giá trị tài sản 492.000.000 đồng, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 913635, diện tích 131,2m² (đất ở tại đô thị), đất tọa lạc tại khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định pháp luật, đến nay các đương sự không có tranh chấp ý kiến gì về việc thế chấp, về hợp đồng thế chấp đã ký.

[4] Đối với việc ông Nguyễn Đình K là chồng bà L không có ký tên vào hợp đồng tín dụng nhưng ông K có ký vào hợp đồng thế chấp và biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm cùng ngày 10/4/2019 các biên bản cam kết trả nợ khi nợ đã quá hạn vào ngày 06/12/2020 và ngày 09/7/2020 ông K đều có ký cam kết, chứng tỏ ông K biết khoản vay này và thừa nhận cùng trả nợ với bà L. Hơn nữa, trong thời gian bà L ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng thì bà L và ông K vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân nên buộc bà L và ông K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần đất đứng tên bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình K, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 913635, diện tích 131,2m² hiện đang bỏ trống, không ai quản lý sử dụng và hiện bà L và ông K đã bỏ địa phương đi. Quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông K không có yêu cầu, cũng như không có ý kiến gì nên việc nguyên đơn đề nghị phát mại tại sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp cũng như phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Trường hợp bà L, ông K không trả được nợ cho ngân hàng thì buộc bà L, ông K phải giao tài sản thế chấp nêu trên cho Cơ quan thi hành án phát mại để thanh toán nợ cho ngân hàng là phù hợp.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Chi phí tố tụng: Tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Do yêu cầu của ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí, thẩm định tại chỗ. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có nộp tạm ứng số tiền chi phí thẩm định tại chỗ 400.000 đồng, đã chi trả xong. Nguyên đơn yêu cầu được nhận lại. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng số tiền 400.000 đồng.

[8] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đã dự nộp được nhận lại. Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình K phải chịu số tiền 34.102.000 đồng (tròn số) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 130, Điều 298, 299, 317, 318; 319, 322, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là 752.559.000 đồng (B trăm năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc: 490.000.000 đồng; tiền lãi: 262.559.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LAV – 201901809/HĐTD ngày 12/4/2019, tính đến ngày 26/9/2024.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 26/9/2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số K9635/HĐTC ngày 10/4/2019 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình K. Trường hợp bà L, ông K không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng N thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại, xử lý tài sản thế chấp là phần đất tọa lạc tại khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 913635, diện tích 131,2m² (đất ở tại đô thị) đứng tên ông Nguyễn Đình K và bà Nguyễn Thị L, để thu hồi nợ cho ngân hàng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình K có trách nhiệm hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng cho Ngân hàng N.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L, ông K không thi hành xong khoản tiền trên, bà L, ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình K phải chịu 34.102.000 đồng. Ngân hàng N không phải chịu án phí, ngày 09/01/2023 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 15.188.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo biên lai số 0006008 được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đ